MOORE AISC

MOORE AISC Auditing and Informatics Services Company Limited
389A Dien Bien Phu Street, Ward 4
District 3, Ho Chi Minh City
Viet Nam
T (8428) 3832 9129
F (8428) 3834 2957
E info@aisc.com.vn
www.aisc.com.vn

Số: C1022574-R2/MOOREAISC-DN4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI BAN ĐIỀU HÀNH

NGÂN HÀNG HUA NAN COMMERCIAL BANK, LTD CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính chuyển đổi VND kèm theo của **Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính chuyển đổi VND tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chuyển đổi VND, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chuyển đổi VND và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi VND cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyển đổi VND của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi VND và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi VND không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính chuyển đổi VND dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính chuyển đổi VND của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính chuyển đổi VND. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính chuyển đổi VND do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi VND trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính chuyển đổi VND.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

MOORE AISC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính chuyển đổi VND đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh** tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi VND.

Chính sách kế toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh mục IV của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam mô tả chính sách kế toán. Ban Giám đốc Chi nhánh lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này để đáp ứng yêu cầu nộp báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vì thế, báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Ban Giám đốc Chi nhánh đã lập một bộ báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ cho cùng năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam. Chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính này vào ngày 20 tháng 3 năm 2023.

M.S.D.N: 0300513041 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Tiểu Phụng	**Võ Thị Xuân Quỳnh**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số :1269-2023-005-1	kiểm toán số : 4274-2023-005-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore Aisc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 *Đơn vị tính: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	**V.01**	**30.042**	**22.836**
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	**V.02**	**56.148**	**111.073**
III. Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	**V.03**	**4.909.224**	**3.582.602**
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		4.829.229	3.452.597
2. Cho vay các TCTD khác		79.995	130.005
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh	**V.04**	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	**V.05**	-	-
VI. Cho vay khách hàng	**V.06**	**4.122.230**	**4.429.873**
1. Cho vay khách hàng		4.153.872	4.467.515
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(31.642)	(37.642)
VII. Hoạt động mua nợ	**V.07**	-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	**V.08**	-	-
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	-
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	-
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		-	-
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	**V.09**	-	-
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		-	-
5. Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 *Đơn vị tính: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
X. Tài sản cố định		**1.317**	**1.163**
1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	1.119	826
a. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình		*13.275*	*12.494*
b. Hao mòn tài sản cố định hữu hình		*(12.156)*	*(11.668)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.12	198	337
a. Nguyên giá tài sản cố định vô hình		*8.435*	*8.142*
b. Hao mòn tài sản cố định vô hình		*(8.237)*	*(7.805)*
XI. Bất động sản đầu tư	**V.13**	-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản có khác	**V.14**	**21.358**	**10.510**
1. Các khoản phải thu	V.14.1	1.684	1.621
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.14.3	19.239	8.048
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	V.22	-	-
4. Tài sản Có khác	V.14.2	435	841
- Trong đó: Lợi thế thương mại	V.15	-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN CÓ		**9.140.319**	**8.158.057**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 *Đơn vị tính: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	**V.16**	-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	**V.17**	**4.291.312**	**3.803.032**
1. Tiền gửi của các TCTD khác		3.111.312	2.664.032
2. Vay các TCTD khác		1.180.000	1.139.000
III. Tiền gửi của khách hàng	**V.18**	**2.380.641**	**2.091.757**
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	**V.05**	-	-
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vayTCTD chịu rủi ro	**V.19**	-	-
VI. Phát hành giấy tờ có giá	**V.20**	-	-
VII. Các khoản nợ khác		**24.974**	**14.611**
1. Các khoản lãi, phí phải trả	V.22	6.758	2.399
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.21	18.216	12.212
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**6.696.927**	**5.909.400**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 *Đơn vị tính: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
VIII. Vốn và các quỹ	**V.23**	**2.443.392**	**2.248.657**
1. Vốn của TCTD		1.216.388	1.216.388
a. Vốn điều lệ		*1.216.388*	*1.216.388*
b. Vốn đầu tư XDCB		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d. Cổ phiếu quỹ		-	-
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
g. Vốn khác		-	-
2. Quỹ của TCTD		134.245	117.328
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		332.356	250.402
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		760.403	664.539
IX. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**9.140.319**	**8.158.057**

CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	31/12/2022	01/01/2022
1. Bảo lãnh vay vốn	426.216	290.445
2. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	62.579	178.716
3. Bảo lãnh khác	161.657	135.830
4. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	328	162
5. Nợ khó đòi đã xử lý	3.109	771

Âu Huệ Hàng	**Sung Ai Lun**	**Lin Ta Feng**
Lập bảng/ Kế toán trưởng	**Trưởng phòng kế toán**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CHUYỂN ĐỔI VND

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 *Đơn vị tính: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.24	315.635	170.232
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.25	157.494	38.478
I. Thu nhập lãi thuần (1-2)		**158.141**	**131.754**
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		17.257	11.718
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		2.121	2.879
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (3-4)	**VI.26**	**15.136**	**8.839**
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**VI.27**	**22.102**	**18.352**
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**VI.28**	-	-
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**VI.29**	-	-
5. Thu nhập từ hoạt động khác		1.895	1.209
6. Chi phí hoạt động khác		-	-
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (5-6)	**VI.31**	**1.895**	**1.209**
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	**VI.30**	-	-
VIII. Chi phí hoạt động	VI.32	59.141	58.233
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (I+II+III+IV+V+VI+VII - VIII)		**138.133**	**101.921**
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(3.116)	5.531
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế (IX-X)		**141.249**	**96.390**
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		28.468	19.764
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (7+8)	**VI.33**	**28.468**	**19.764**
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (XI-XII)		**112.781**	**76.626**

Âu Huệ Hàng	Sung Ai Lun	Lin Ta Feng
Lập bảng/ Kế toán trưởng	**Trưởng phòng kế toán**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 03 năm 2023